

UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH

SỞ Y TẾ

Số: 160 /BC-SYT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Định, ngày 11 tháng 7 năm 2018

BÁO CÁO

Kết quả hoạt động 10 năm thi hành Luật Phòng, chống bạo lực gia đình

Thực hiện Công văn số 3541/BYT-KCB ngày 21/6/2018 của Bộ Y tế về việc báo cáo tổng kết 10 năm thi hành Luật Phòng, chống bạo lực gia đình và Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 14/5/2018 của UBND tỉnh về Tổng kết 10 thi hành Luật Phòng, chống bạo lực gia đình trên địa bàn tỉnh Bình Định, Sở Y tế Bình Định báo cáo như sau:

1. Đánh giá chung

Nhận thức về phòng chống bạo lực gia đình và ngày gia đình Việt Nam có sự chuyển biến tích cực, sự bình đẳng về quyền lợi học tập, việc làm, chăm sóc sức khỏe, nuôi con của phụ nữ được cải thiện; vị thế, vai trò của phụ nữ ngày càng được khẳng định trên các mặt chính trị, kinh tế, xã hội; bản thân người phụ nữ cũng tích cực phấn đấu, tự vươn lên tiến tới xóa bỏ phân biệt đối xử về giới trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội và trong từng gia đình của viên chức, người lao động trong xã hội. Tuy nhiên, bạo lực gia đình vẫn còn xảy ra ở hầu hết các địa phương, ở mọi tầng lớp của xã hội.

2. Kết quả hoạt động hỗ trợ, chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình

- Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh về triển khai Luật Phòng, chống bạo lực gia đình, Sở Y tế đã chỉ đạo các cơ sở khám, chữa bệnh tổ chức phối hợp đồng bộ với các cơ quan, đơn vị, hội đoàn thể... trong thực hiện công tác phòng, chống bạo lực gia đình; tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến đến các viên chức, người lao động. Trong 10 năm qua, các cơ sở khám, chữa bệnh đã tiếp nhận, chăm sóc cho các nạn nhân bị bạo lực gia đình một cách tốt nhất.

- Các cơ sở khám, chữa bệnh luôn làm tốt công tác khám và điều trị chăm sóc, giúp đỡ các nạn nhân bị bạo lực gia đình. Các bệnh nhân bạo lực gia đình khi đến khám, điều trị đều được đảm bảo việc giữ bí mật thông tin và tư vấn về sức khỏe, đồng thời tất cả chi phí đối với nạn nhân bạo lực gia đình đều do Quỹ bảo hiểm y tế chi trả đối với người có bảo hiểm y tế.

- Khi khám và điều trị tại các cơ sở khám, chữa bệnh các nạn nhân bạo lực gia đình đều được xác nhận việc khám và điều trị nếu có yêu cầu.

3. Báo cáo thống kê các trường hợp bệnh nhân bạo lực gia đình

(Có Phụ lục kèm theo)

4. Những khó khăn, vướng mắc và đề xuất kiến nghị

a. Khó khăn

- Người bệnh vào viện chỉ khi có tổn thương về cơ thể tương đối nhiều.
- Khi vào khám, điều trị thường không muốn nằm viện điều trị.
- Người bệnh vào viện khai lý do thường tránh né lý do thực sự, lý do khác chứ không phải bị đánh hoặc bị người nào đó đánh chứ không phải người trong nhà đánh.

- Mã bệnh ICD 10 bệnh nội trú trong bệnh án thường được đánh giá chủ yếu theo vị trí tổn thương chứ không thể hiện đến nguyên nhân gây chấn thương nên khó khăn trong việc thu thập thông và tổng hợp thông tin.

b. Đề xuất, kiến nghị

- Hàng năm nên tổ chức tập huấn cho các cơ sở khám, chữa bệnh để nắm được các Luật, Nghị định mới liên quan về phòng, chống bạo lực gia đình cho nhân viên ngành y.

- Bổ sung mục bạo lực gia đình vào mẫu báo cáo tai nạn thương tích và chẩn đoán bạo lực gia đình vào Mã bệnh ICD 10.

Sở Y tế Bình Định kính báo cáo Bộ Y tế.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- Sở Văn hóa và Thể thao;
- Lãnh đạo Sở;
- Trang TTĐT Sở Y tế;
- Lưu: VT, NVY.



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Tuyết Nhung

PHỤ LỤC

Báo cáo kết quả hoạt động 10 năm thi hành Luật Phòng, chống bạo lực gia đình
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 160/BC-SYT ngày 11 tháng 7 năm 2018 của Sở Y tế)

STT		Tổng	Năm báo cáo											Ghi chú
			2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	
1	Tổng số bệnh nhân là nạn nhân BLGD	596	12	9	13	32	42	48	59	88	112	109	72	
2	Hình thức bạo lực													
2.1	Tình thân	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2.2	Thân thể	596	12	9	13	32	42	48	59	88	112	109	72	
2.3	Tình dục	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2.4	Kinh tế	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3	Giới tính bệnh nhân là nạn nhân BLGD													
3.1	Nam	186	4	3	1	9	18	15	24	23	36	29	24	
3.2	Nữ	410	8	6	12	23	24	33	35	65	76	80	48	
4	Độ tuổi bệnh nhân là nạn nhân BLGD													
4.1	Dưới 16 tuổi	32	3	2	3	1	2	1	2	3	8	5	2	
4.2	Từ đủ 16 – 60 tuổi	538	9	7	10	31	39	44	53	80	99	98	68	
4.3	Trên 60 tuổi	26	0	0	0	0	1	3	4	5	5	6	2	